

Báo cáo Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Tài chính

Hà Nội, Tháng 9/2026

Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính

TĂNG TRƯỞNG VIỆT NAM GIỮA NHỮNG CƠN GIÓ NGƯỢC

- ◆ PHẦN 1

TÓM TẮT

- ◆ PHẦN 2

KINH TẾ THẾ GIỚI

- ◆ PHẦN 3

KINH TẾ VIỆT NAM

- ◆ PHẦN 4

PHỤ LỤC

Tóm tắt

Kinh tế Thế giới:

- ▶ Hoạt động kinh tế tại một số nền kinh tế lớn tiếp tục duy trì khả năng chống chịu, với động lực chủ yếu đến từ khu vực dịch vụ và nhu cầu liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI)
 - ▶ Tại Mỹ, khu vực dịch vụ và thị trường lao động vẫn tăng trưởng tích cực trong khi lạm phát vẫn dai dẳng. PMI dịch vụ tháng 8 tăng lên 55,4 điểm từ mức 54,1 điểm của tháng 7, số việc làm phi nông nghiệp tăng 162.000, là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 3/2026
 - ▶ Tại Trung Quốc, xuất khẩu đã trở thành động lực tăng trưởng chính cho nền kinh tế (xuất khẩu tháng 8 +25% so với cùng kỳ), thúc đẩy bởi nhu cầu mạnh mẽ từ nước ngoài đối với các sản phẩm liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI)
- ▶ Tuy nhiên, chi phí để duy trì tăng trưởng cũng đang dần trở nên cao hơn, do cú sốc giá dầu, nhu cầu vốn lớn và lãi suất dài hạn cao
- ▶ Dựa trên các số liệu kinh tế mới công bố, đa phần các tổ chức tài chính lớn cho thấy kỳ vọng điều hòa hơn đáng kể, với từ 1 đến 3 lần tăng lãi suất trong 2026

Kinh tế Việt Nam:

- ▶ Xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng khi lũy kế 8 tháng tăng 22,5% YoY, trong đó nhóm điện tử tăng 38,1% YoY nhờ nhu cầu liên quan đến AI và Data Center
- ▶ Tình trạng nhập siêu đã hạ nhiệt đáng kể, từ khoảng 4 tỷ USD trong tháng 7 xuống chỉ còn 0,1 tỷ USD trong tháng 8, phản ánh hoạt động xuất khẩu điện tử đang dần bắt kịp lượng linh kiện nhập khẩu trước đó
- ▶ Dòng vốn FDI tiếp tục tăng tốc với giá trị giải ngân đạt mức kỷ lục 17,3 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm, củng cố triển vọng tăng trưởng trung hạn của nền kinh tế
- ▶ Đầu tư công phát đi tín hiệu tích cực hơn khi giải ngân tháng 8 đạt 95,7 nghìn tỷ đồng, cao hơn khoảng 55% so với mức bình quân từ đầu năm
- ▶ Chúng tôi nâng dự báo lạm phát trung bình cả năm 2026 lên vùng 4,5 – 4,8% trong bối cảnh giá dầu vẫn còn nhiều rủi ro neo cao trong những tháng tới
- ▶ Áp lực lạm phát và nhu cầu vốn cao khiến dự địa giảm lãi suất không còn nhiều. Tuy nhiên, giải ngân đầu tư công tăng tốc cùng dự địa điều tiết thanh khoản của NHNN được kỳ vọng sẽ giúp lãi suất huy động duy trì ổn định trong những tháng cuối năm
- ▶ Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm tỷ giá USDVND mất giá nhẹ 0,8% vào thời điểm cuối năm 2026 so với cuối năm 2025, khi chênh lệch lãi suất thuận lợi, FDI giải ngân mạnh và nguồn cung ngoại tệ dự kiến sẽ tiếp tục dồi dào

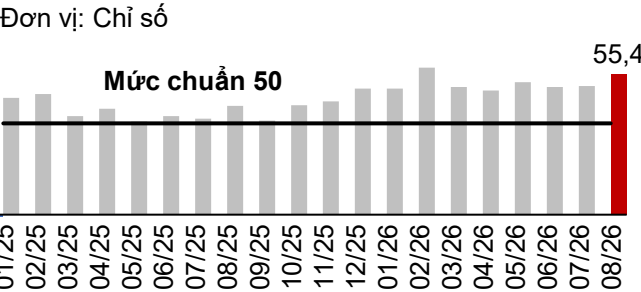
Kinh tế thế giới

Sức chống chịu của kinh tế thế giới vẫn được duy trì, với động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ khu vực dịch vụ và nhu cầu liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI). Tuy nhiên, để duy trì đà tăng trưởng này, nền kinh tế toàn cầu đang phải đối mặt với chi phí ngày càng lớn, thể hiện qua áp lực từ giá dầu tăng, nhu cầu vốn lớn và mặt bằng lãi suất dài hạn duy trì ở mức cao. Trong bối cảnh đó, kỳ vọng chính sách của thị trường trở nên điều hòa hơn đáng kể, khi đa phần các tổ chức tài chính lớn kỳ vọng từ 1 đến 3 lần tăng lãi suất trong 2026

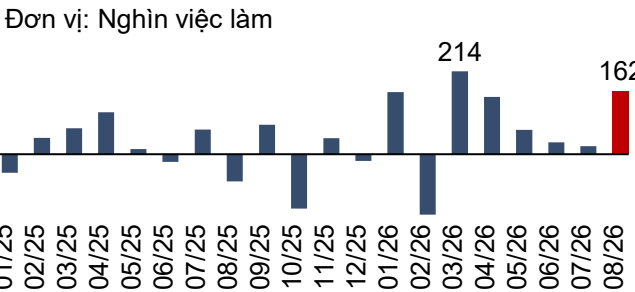
Hoạt động kinh tế tại một số nền kinh tế lớn tiếp tục duy trì khả năng chống chịu, với động lực chủ yếu đến từ khu vực dịch vụ và nhu cầu liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI)

Tại Mỹ, khu vực dịch vụ vẫn duy trì đà mở rộng khi chỉ số PMI dịch vụ tháng 8 tăng lên 55,4 điểm từ mức 54,1 điểm của tháng 7. Việc chỉ số duy trì trên ngưỡng 50 điểm cho thấy lĩnh vực dịch vụ, vốn chiếm hơn hai phần ba hoạt động kinh tế Mỹ, tiếp tục tăng trưởng tích cực. Sức mạnh của khu vực này được kỳ vọng sẽ hỗ trợ hoạt động kinh doanh và củng cố triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế. Theo S&P Global, GDP Mỹ trong quý III có thể tăng khoảng 3%, cao hơn đáng kể so với mức 1,5% của quý II. Bên cạnh đó, thị trường lao động Mỹ cũng phát đi những tín hiệu tích cực hơn. Theo báo cáo việc làm tháng 8, số việc làm phi nông nghiệp tăng 162.000, cao gấp khoảng ba lần mức dự báo 53.000 việc làm và là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 3/2026. Tuy vậy, mức tăng chủ yếu tập trung ở các lĩnh vực dịch vụ ăn uống và giáo dục thuộc khu vực chính quyền địa phương. Do đó, cần thêm dữ liệu trong những tháng tới để đánh giá liệu sự cải thiện của thị trường lao động có mang tính bền vững hay không. Bên cạnh đó, tại Trung Quốc, xuất khẩu đã trở thành động lực tăng trưởng chính cho nền kinh tế, với xuất khẩu tháng 8 tăng 25% so với cùng kỳ (YoY). Tăng trưởng này chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu mạnh mẽ từ nước ngoài đối với các sản phẩm công nghệ cao và các mặt hàng liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI), trong khi nhu cầu nội địa còn tương đối yếu.

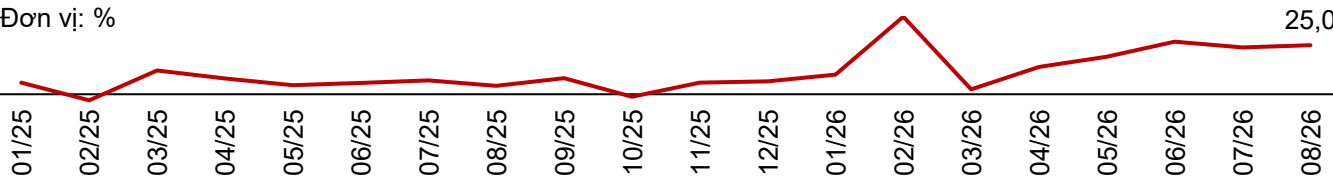
Hình 1: Chỉ số PMI dịch vụ



Hình 2: Số việc làm phi nông nghiệp mới tại Mỹ



Hình 3: Tăng trưởng xuất khẩu của Trung Quốc

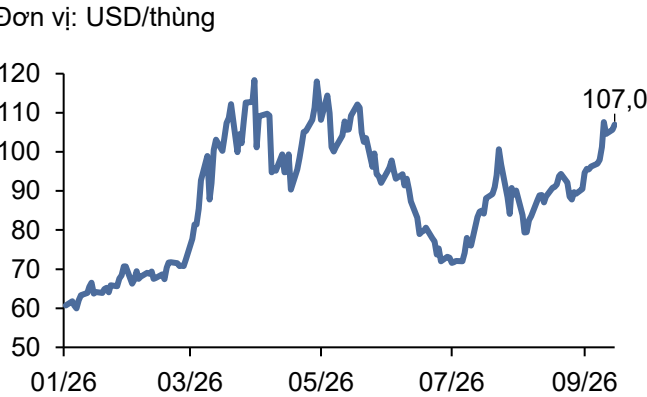


Kinh tế thế giới (tiếp)

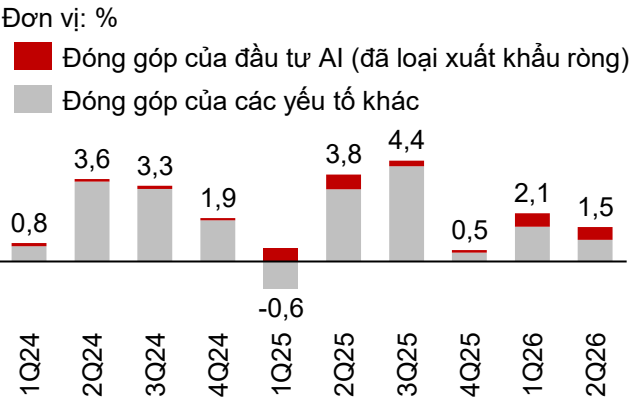
Tuy nhiên, chi phí để duy trì tăng trưởng cũng đang dần trở nên cao hơn, do cú sốc giá dầu, nhu cầu vốn lớn và lãi suất dài hạn cao

Cú sốc giá dầu: Kể từ khi xung đột tại Trung Đông leo thang lại hồi cuối tháng 8, giá dầu Brent liên tục duy trì trên mức 100 USD/thùng. Do mới chỉ tăng mạnh từ cuối tháng 8, tác động trực tiếp và gián tiếp của giá dầu cần được theo dõi chặt chẽ trong các tháng tiếp theo, bởi mức độ tác động còn phụ thuộc thời gian truyền dẫn sang giá xăng bán lẻ, sản phẩm lọc dầu, vận tải và logistics. Thống kê từ Rystad Energy cho thấy lưu lượng dầu vận chuyển qua eo biển Hormuz đạt khoảng 8-9 triệu thùng/ngày trong phần lớn thời gian của tháng 8. Tuy nhiên, khi căng thẳng địa chính trị leo thang vào cuối tháng, lưu lượng đã giảm mạnh xuống dưới 2 triệu thùng/ngày sau ngày 30/8, cho thấy rủi ro gián đoạn nguồn cung vẫn ở mức cao. Bên cạnh đó, khi căng thẳng leo thang, các chi phí liên quan đến vận chuyển dầu qua Hormuz cũng tăng vọt, do sự gia tăng của các khoản phụ phí rủi ro chiến tranh và chi phí bảo hiểm hàng hóa. Do biến động nguồn cung và chi phí vận tải trong điều kiện hiện tại, chúng tôi cho rằng giá dầu thế giới có thể sẽ tiếp tục neo ở mức cao trong thời gian tới.

Hình 4: Diễn biến giá dầu Brent



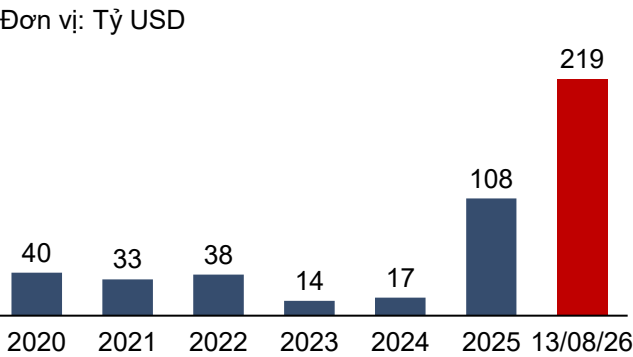
Hình 5: Đóng góp của đầu tư AI vào tăng trưởng GDP Mỹ



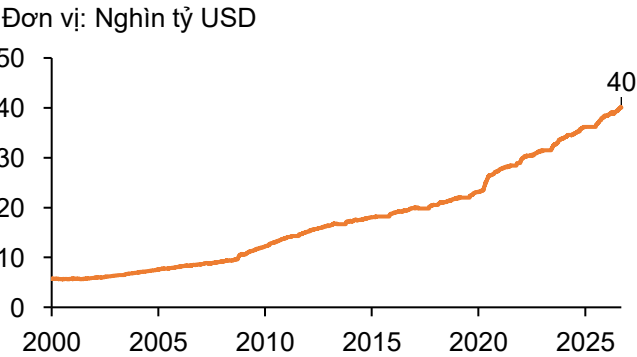
Nhu cầu vốn lớn và lãi suất dài hạn cao: Theo ước tính của JP Morgan, các hạng mục đầu tư liên quan đến AI* (sau khi loại bỏ ảnh hưởng của xuất khẩu ròng, nhằm tránh phóng đại sản lượng nội địa) cho thấy mức đóng góp đang kể vào GDP kể từ 2025. Nếu như đầu tư AI là động lực tăng trưởng rõ nét nhất của kinh tế Mỹ, đây cũng chính là yếu tố tạo áp lực về vốn. Theo đó, năm tập đoàn công nghệ lớn bao gồm Alphabet, Amazon, Meta, Microsoft và Oracle đã phát hành khoảng 220 tỷ USD trái phiếu liên quan đến đầu tư AI tính đến ngày 13/8/2026, gấp hai lần tổng giá trị phát hành 108 tỷ USD của cả năm 2025. Đáng chú ý, nếu như các đợt phát hành hồi đầu năm được thị trường đón nhận một cách dễ dàng, các đợt phát hành mới hồi tháng 8/26 bắt đầu phải trả mức chênh lệch lợi suất cao hơn từ 10 – 15 bps, phản ánh tâm lý thận trọng gia tăng của nhà đầu tư.

Kinh tế thế giới (tiếp)

Hình 6: Giá trị phát hành trái phiếu liên quan đến đầu tư AI của 5 tập đoàn công nghệ lớn



Hình 7: Tổng giá trị nợ công của Mỹ



Ở khu vực công, nợ công Mỹ đã chạm mốc kỷ lục 40 nghìn tỷ USD do áp lực chi tiêu từ quá trình già hóa dân số, các chương trình an sinh xã hội, cùng các chính sách cắt giảm thuế và mở rộng chi tiêu trong nhiều năm qua. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức cao cũng khiến chi phí trả lãi nợ của Chính phủ ngày càng gia tăng. Nợ công tăng cao khiến nhà đầu tư yêu cầu mức bù rủi ro cao hơn, qua đó đẩy lợi suất trái phiếu lên. Tỷ lệ nợ công/GDP của Mỹ được dự báo tăng từ 123,9% năm 2025 lên 125,8% năm 2026, cho thấy áp lực huy động vốn từ khu vực công nhiều khả năng sẽ còn kéo dài trong thời gian tới.

Trong bối cảnh cả khu vực tư nhân và khu vực công đều gia tăng nhu cầu huy động vốn, sự bùng nổ phát hành trái phiếu để tài trợ cho làn sóng đầu tư AI diễn ra đồng thời với nhu cầu vay nợ ngày càng tăng của Chính phủ làm gia tăng cạnh tranh nguồn vốn trên thị trường và góp phần duy trì mặt bằng lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ ở mức cao.

Các số liệu kinh tế công bố gần đây càng củng cố quan điểm xác suất Fed tăng lãi suất trong cuộc họp tới là khá cao

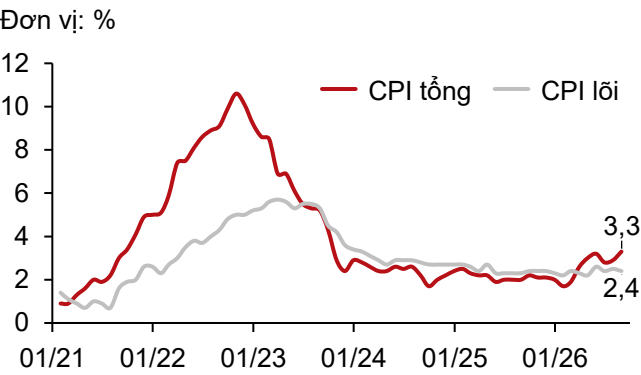
Tại châu Âu, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã nâng lãi suất lần thứ hai kể từ đầu năm nhằm ứng phó với rủi ro lạm phát gia tăng. Cụ thể, lạm phát Khu vực đồng Euro (HICP) tháng 8 tăng tốc lên 3,3% so với cùng kỳ, từ mức 2,9% của tháng 7 và là mức cao nhất kể từ tháng 9/2023. Đáng chú ý, lạm phát lõi lại giảm nhẹ xuống 2,4% từ 2,5%, trong khi lạm phát năng lượng tăng vọt từ 10,3% lên 14,3%, cho thấy phần lớn mức tăng của lạm phát chung đến từ giá năng lượng. Theo ông Martin Kocher, Thống đốc Ngân hàng Trung ương Áo, nếu giá dầu tiếp tục duy trì quanh ngưỡng 100 USD/thùng đến cuối năm, ECB có thể sẽ phải tiếp tục nâng lãi suất.

Tại Mỹ, các tín hiệu lạm phát chưa đủ thuyết phục để Fed sớm chuyển sang lập trường nới lỏng. Theo Bộ Lao động Mỹ, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8 tăng 0,4% so với tháng trước, trong đó giá xăng đóng góp khoảng một phần ba mức tăng chung, đưa lạm phát lên 3,4% so với cùng kỳ năm trước.

Kinh tế thế giới (tiếp)

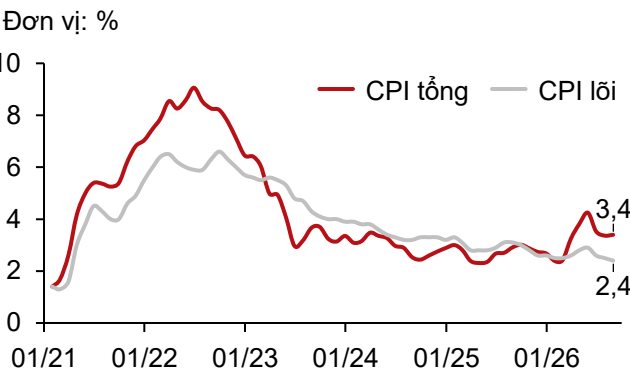
Dường như áp lực lạm phát đang có dấu hiệu lan rộng ra ngoài lĩnh vực năng lượng. Khi loại trừ các nhóm thực phẩm và năng lượng, CPI lõi vẫn tăng 0.3% trong tháng 8, và tăng 2.4% so với cùng kỳ, cho thấy lạm phát cơ bản vẫn duy trì ở mức tương đối cao. Sau khi số liệu CPI được công bố ngày 11/9, xác suất thị trường dự báo Fed tăng lãi suất tại cuộc họp ngày 15-16/9 đã tăng lên 92,4% theo CME FedWatch.

Hình 8: Chỉ số giá tiêu dùng (HICP) châu Âu



Đa phần các tổ chức tài chính lớn cho thấy kỳ vọng điều hâu hơn đáng kể, với từ 1 đến 3 lần tăng lãi suất trong 2026

Hình 9: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Mỹ



Bức tranh lạm phát có thể trở nên cân bằng hơn sau đợt cập nhật dữ liệu thường niên của Cục Phân tích Kinh tế Mỹ (BEA) vào ngày 30/9. Lần điều chỉnh này bao gồm chỉ số Chi tiêu Tiêu dùng Cá nhân (PCE) - thước đo lạm phát mà Fed ưu tiên theo dõi hơn để đánh giá mục tiêu lạm phát 2% khi so sánh với CPI. So với CPI, PCE hiện đang cho thấy áp lực giá có phần dịu hơn và thường phản ứng chậm hơn trước các cú sốc giá ngắn hạn. Goldman Sachs và JPMorgan ước tính PCE lõi tháng 5/2026 có thể được điều chỉnh giảm khoảng 0,1-0,2 điểm phần trăm, từ 3,4% xuống còn khoảng 3,2%-3,3% theo năm. Nếu kịch bản này xảy ra, đánh giá về mức độ dai dẳng của lạm phát nền trong giai đoạn vừa qua có thể được cải thiện phần nào. Tuy vậy, việc điều chỉnh số liệu lịch sử không đồng nghĩa với việc áp lực giá hiện tại đang suy giảm. Vì vậy, Fed nhiều khả năng sẽ xem xét chuỗi PCE đã điều chỉnh cùng với các chỉ báo khác như CPI, tăng trưởng tiền lương, lạm phát dịch vụ và kỳ vọng lạm phát, thay vì thay đổi định hướng chính sách chỉ dựa trên một điều chỉnh mang tính kỹ thuật.

Nhìn chung, các dữ liệu kinh tế và lạm phát gần đây đã khiến kỳ vọng chính sách của thị trường trở nên điều hâu hơn đáng kể. Theo Wall Street Journal, phần lớn các tổ chức tài chính lớn đã cập nhật dự báo Fed sẽ nâng lãi suất trong cuộc họp tháng 9, thậm chí một số tổ chức cho rằng có thể có tới 3 lần tăng lãi suất trong 2026.

Kinh tế thế giới (tiếp)

Hình 10: Đánh giá của các tổ chức về thay đổi lãi suất Fed

Cập nhật ngày 11/9

Tổ chức	Dự báo lần tăng lãi suất tiếp theo của Fed	Thay đổi lãi suất trong 2026
Deutsche Bank	Tháng 9	+ 75 bps
RBC	Tháng 9	+ 75 bps
MUFG	Tháng 9	+ 50 bps
Nomura	Tháng 9	+ 50 bps
Wells Fargo	Tháng 9	+ 50 bps
Goldman Sachs	Tháng 9	+ 25 bps
JP Morgan	Tháng 9	+ 25 bps

Dựa vào những thông tin mới nhất, chúng tôi cho rằng rủi ro Fed nâng lãi suất trong thời gian tới vẫn đang cao hơn khả năng giữ nguyên chính sách. Mặc dù việc điều chỉnh PCE có thể giúp làm dịu phần nào đánh giá về lạm phát nền, giá năng lượng duy trì ở mức cao cùng với sự dai dẳng của lạm phát lõi vẫn là những yếu tố chi phối quyết định chính sách của Fed trong ngắn hạn.

Kinh tế Việt Nam

Kinh tế Việt Nam tiếp tục cho thấy khả năng chống chịu tốt trước những biến động bên ngoài. Động lực tăng trưởng đến từ sự phục hồi của xuất khẩu khi nhu cầu cho linh kiện điện tử liên quan đến AI chưa dừng lại và các tín hiệu tăng tốc của đầu tư công. Trong khi đó, rủi ro lạm phát quay trở lại do giá năng lượng tăng khiến dự địa giảm lãi suất trở nên hạn chế hơn. Dù vậy, chúng tôi vẫn kỳ vọng mặt bằng lãi suất sẽ đi ngang từ giờ đến hết năm, trong khi tỷ giá USD/VND có thể sẽ mất giá nhẹ 0,8% so với thời điểm cuối năm 2025 khi nguồn cung ngoại tệ được kỳ vọng dồi dào hơn

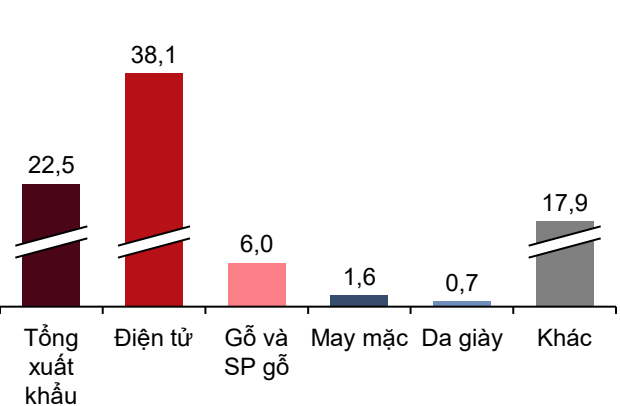
Dữ liệu tháng 8 cho thấy nền kinh tế đang tăng tốc, mở ra triển vọng tăng trưởng GDP mạnh mẽ hơn

Làn sóng đầu tư vào trí tuệ nhân tạo (AI) tại Mỹ tiếp tục thúc đẩy nhu cầu nhập khẩu các mặt hàng điện tử từ Việt Nam. Nhờ đó, hoạt động sản xuất trong nước duy trì đà khởi sắc khi chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong tháng 8 ghi nhận mức tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước, diễn biến này vẫn phản ánh sức chống chịu của khu vực sản xuất Việt Nam trong bối cảnh diễn biến toàn cầu phức tạp. Sự phục hồi của xuất khẩu tiếp tục đóng vai trò là động lực chính hỗ trợ tăng trưởng công nghiệp trong nước.

Cụ thể, xuất khẩu trong tháng 8 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh, qua đó đưa kim ngạch xuất khẩu lũy kế 8 tháng đầu năm tăng 22,5% YoY, mức cao nhất trong chuỗi số liệu 15 năm mà chúng tôi theo dõi, và đặc biệt là cao hơn so với các nước xuất khẩu khác. Trong đó, nhóm linh kiện điện tử tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng với mức tăng 38,1% YoY. Phân tích theo mã HS cho thấy phần lớn động lực xuất khẩu hiện nay đến từ các sản phẩm thu truyền dữ liệu, server,... phục vụ cho Data Center, đặc biệt là nhu cầu từ thị trường Mỹ. Giá trị xuất khẩu của nhóm sản phẩm này sang Mỹ tăng 99% YoY trong 6 tháng đầu năm, vượt xa mức tăng của của tổng xuất khẩu. Đáng chú ý, phần lớn các mặt hàng điện tử phục vụ AI vẫn thuộc...

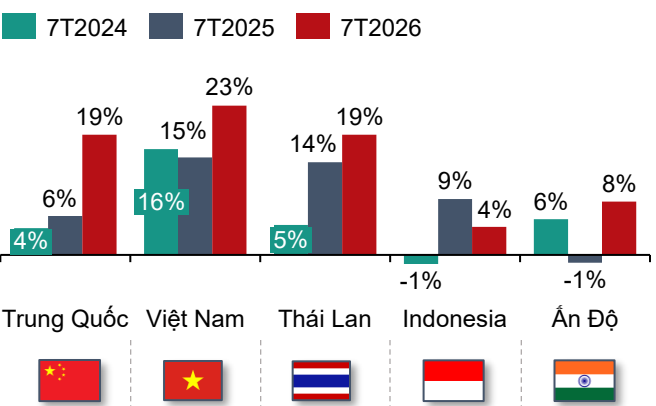
Hình 11: Tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam

Đơn vị: % YoY của lũy kế 8 tháng các năm



Hình 12: Tăng trưởng xuất khẩu của các nước

Đơn vị: % YoY, lũy kế 7 tháng đầu năm các năm

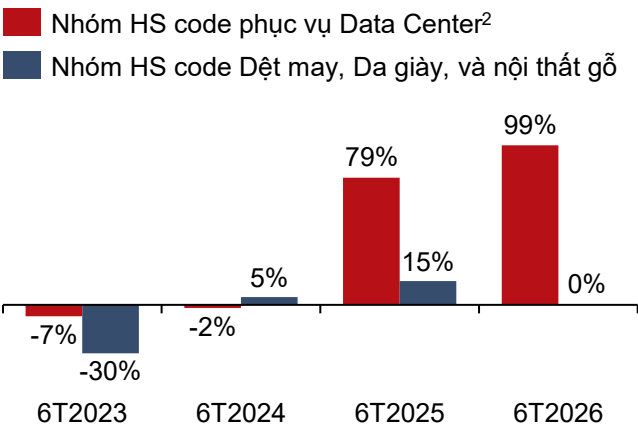


Kinh tế Việt Nam (tiếp)

...diện được miễn trừ khỏi các mức thuế bổ sung của Mỹ, qua đó tiếp tục hỗ trợ năng lực xuất khẩu. Ở chiều ngược lại, tâm lý tiêu dùng tại Mỹ và EU vẫn thận trọng trước những bất ổn địa chính trị, qua đó hạn chế nhu cầu đối với các mặt hàng không thiết yếu. Cụ thể, tăng trưởng xuất khẩu của dệt may, da giày, gỗ và sản phẩm gỗ 8T2026 lần lượt đạt 1,6%, 0,7%, và 6,0% YoY, thấp hơn so với mức tăng của các năm trước, theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam. Chúng tôi cho rằng diễn biến này phản ánh sự suy yếu của nhu cầu tại các thị trường tiêu thụ chủ lực nhiều hơn là sự suy giảm về năng lực cạnh tranh của Việt Nam: Dữ liệu nhập khẩu từ Mỹ cho thấy Việt Nam vẫn duy trì vị thế vững chắc ở nhiều ngành hàng chủ lực, ví dụ như thị phần dệt may đạt 22,5%, tiếp tục đứng đầu thị trường. Dù vậy, rủi ro vẫn hiện hữu khi Việt Nam đang bị Mỹ điều tra thương mại về “Quyền sở hữu trí tuệ” và “Công suất dư thừa” để từ đó làm cơ sở áp thuế bổ sung. Nếu các biện pháp thuế quan này được áp dụng, các ngành truyền thống như dệt may và da giày có thể chịu tác động lớn hơn so với nhóm công nghệ cao. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn kỳ vọng xuất khẩu Việt Nam sẽ duy trì tăng trưởng hai chữ số trong những tháng tới khi các sản phẩm điện tử và công nghệ liên quan đến AI vẫn còn nhiều dư địa và các sản phẩm truyền thống duy trì được thị phần.

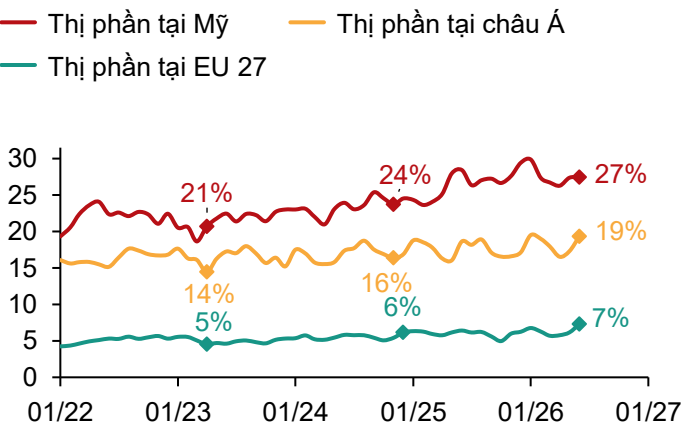
Hình 13: Tăng trưởng xuất khẩu Việt Nam qua Mỹ¹

Đơn vị: %, lũy kế 6 tháng 2026, theo nhóm HS code



Hình 14: Thị phần của Việt Nam theo 3 mặt hàng

Đơn vị: %, thị phần của May mặc, giày dép, và nội thất gỗ



Một điểm tích cực khác trong bức tranh thương mại tháng 8 là tình trạng nhập siêu đã bắt đầu hạ nhiệt. Cụ thể, nhập siêu thu hẹp mạnh xuống chỉ còn khoảng 0,1 tỷ USD, so với mức ~4 tỷ USD trong tháng trước, nhờ vào sự thu hẹp thâm hụt của nhóm điện tử và máy móc khác. Diễn biến này phù hợp với nhận định trong báo cáo trước của chúng tôi, khi các...

Ghi chú: 1: Dữ liệu theo HS Code lấy từ Trademap trễ 2 tháng so với dữ liệu tổng mà Hải quan Việt Nam công bố; 2: 15+ mã HS code bao gồm: Thiết bị thu truyền dữ liệu, Diode chỉnh lưu, server,....

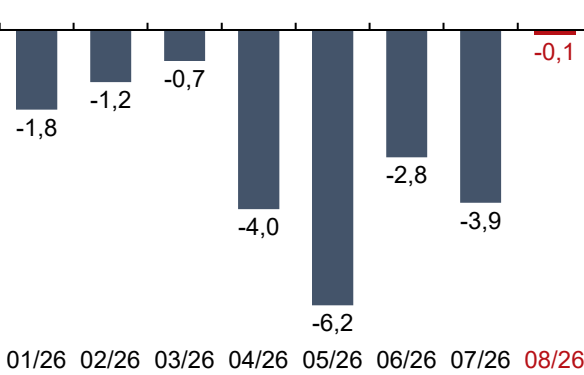
Nguồn: Trademap, Tổng cục Hải quan, Phân tích của TCB CIBG Research

Kinh tế Việt Nam (tiếp)

...doanh nghiệp đã phải chấp nhận chi phí nhập khẩu chip và linh kiện cao hơn trong giai đoạn đầu và sau một thời gian tích lũy tồn kho và đưa vào sản xuất, hoạt động xuất khẩu đang dần bắt kịp nhập khẩu, qua đó giúp thu hẹp thâm hụt thương mại của nhóm điện tử và máy móc. Tuy vậy, cần lưu ý rằng trong bối cảnh giá dầu thế giới đang tăng trở lại, Việt Nam, với vị thế nhập siêu các sản phẩm về dầu, có thể đối mặt với áp lực gia tăng nhập khẩu xăng dầu, dẫn đến rủi ro cán cân thương mại có thể quay lại trạng thái thâm hụt nhiều hơn trong những tháng tới. Nhìn chung, xét đến xu hướng xuất khẩu cải thiện của nhóm điện tử và máy móc, cùng với độ trễ từ lượng linh kiện đã nhập khẩu trước đó, chúng tôi vẫn kỳ vọng mức độ thâm hụt thương mại sẽ tiếp tục thu hẹp trong những tháng cuối năm.

Hình 15: Cán cân thương mại theo từng tháng

Đơn vị: Tỷ USD

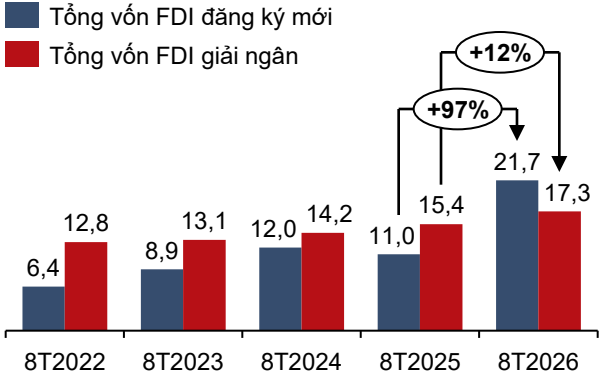


Xuất khẩu khởi sắc tiếp tục củng cố niềm tin các nhà đầu tư nước ngoài (FDI)

Tăng trưởng xuất khẩu ấn tượng, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử công nghệ cao, đang củng cố niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài vào triển vọng sản xuất của Việt Nam, qua đó thúc đẩy dòng vốn FDI tiếp tục gia tăng. Cụ thể, vốn đăng ký và điều chỉnh FDI tiếp tục tăng mạnh trong tháng 8 và đưa mức tăng của 8 tháng 2026 lên cao kỷ lục, đạt 56% YoY. Bóc tách sâu hơn, vốn FDI đăng ký cấp mới, chỉ tiêu phản ánh các dự án lần đầu gia nhập thị trường Việt Nam, đã tăng gần 2 lần so với cùng kỳ. Trong khi đó, vốn FDI giải ngân cũng ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, cho thấy các cam kết đầu tư trước đây vẫn đang được hiện thực hóa bất chấp môi trường kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động. Đáng chú ý, phần lớn các dự án quy mô lớn tập trung vào những lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng dài hạn như điện tử, bán dẫn và hạ tầng. Theo quan điểm của chúng tôi, diễn biến này phản ánh vai trò ngày càng quan trọng của Việt Nam trong chiến lược đa dạng hóa chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia. Sự mở rộng đầu tư của các doanh nghiệp đầu ngành như Samsung hay LG...

Hình 16: Vốn FDI vào Việt Nam

Đơn vị: Tỷ USD, lũy kế 8 tháng các năm



Kinh tế Việt Nam (tiếp)

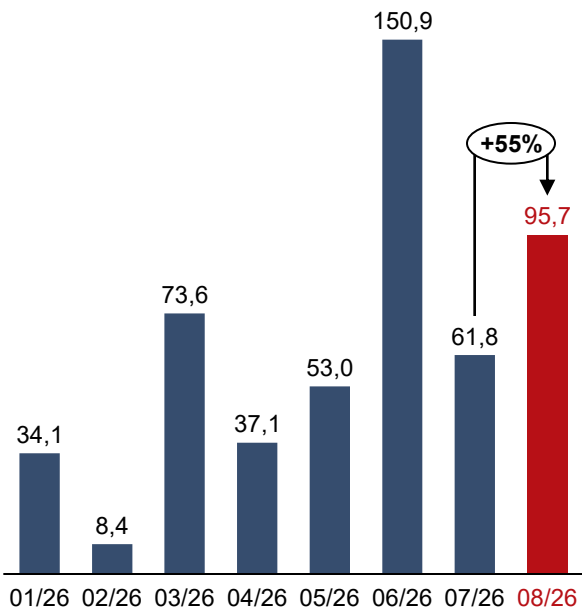
Hình 17: Các dự án FDI lớn vào Việt Nam 2026

*Chọn lọc 1 số dự án tính đến tháng 8/2026

Dự án	Vốn	Lĩnh vực
Samsung Semi.	4,1 tỷ USD	Bán dẫn
Intel	2,6 tỷ USD	Bán dẫn
Samsung Electro.	1,3 tỷ USD	Bảng mạch điện tử
LG Innotek	~1 tỷ USD	Bán dẫn
Foxconn	~0,6 tỷ USD	Điện tử (đa sản phẩm)
Cảng Cần Giờ (MSC)	4,9 tỷ USD	Hạ tầng (Cảng biển)
LNG Quỳnh Lập	2,2 tỷ USD	Hạ tầng (Năng lượng)
AI Tân phú	2,1 tỷ USD	Hạ tầng (Data center)
Evolution DC	0,5 tỷ USD	Hạ tầng (Data center)
Starmason	~0,5 tỷ USD	Hạ tầng (Data center)
Singvin Asset	~0,4 tỷ USD	Sản xuất thép
Posco	0,4 tỷ USD	Sản xuất vật liệu pin
Future Textile	0,3 tỷ USD	Sản xuất Dệt may
Hoya Glass	0,3 tỷ USD	Sản xuất khoáng

Hình 18: Chi đầu tư phát triển

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



Trong khi FDI bứt phá, đầu tư công đang phát đi tín hiệu cải thiện

... không chỉ mang lại nguồn vốn mà còn có khả năng kéo theo các nhà cung cấp cấp 1 và cấp 2 mở rộng hiện diện tại Việt Nam. Điều này tạo tiền đề để làn sóng FDI tiếp tục gia tăng trong thời gian tới.

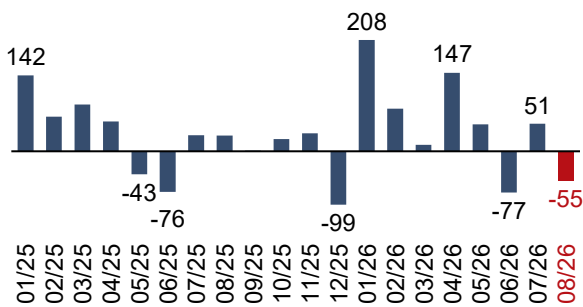
Song hành với làn sóng FDI, chính sách tài khóa cũng đang phát đi tín hiệu hỗ trợ tăng trưởng rõ nét hơn trong tháng 8. Cụ thể, thu ngân sách giảm về khoảng 190 nghìn tỷ đồng sau khi tăng mạnh lên 266 nghìn tỷ đồng trong tháng 7 do yếu tố mùa vụ liên quan đến kỳ quyết toán thuế quý 2. Trong khi đó, chi đầu tư phát triển tăng mạnh lên 95,7 nghìn tỷ đồng, từ mức khoảng 62 nghìn tỷ đồng của tháng trước. Kết quả là chênh lệch giữa thu và chi ngân sách đã thu hẹp đáng kể, cho thấy khu vực công đang bơm ròng nhiều nguồn lực hơn vào nền kinh tế so với giai đoạn trước, qua đó hỗ trợ tăng trưởng và thanh khoản hệ thống. **Xét riêng về đầu tư công**, chúng tôi tiếp tục ghi nhận những tín hiệu tích cực. Tổng giá trị giải ngân lũy kế 8 tháng đầu năm đạt khoảng 513 nghìn tỷ đồng, tương đương 50% kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, cao hơn mức 46% cùng kỳ năm trước và là tỷ lệ cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Riêng trong tháng 8, giá trị giải ngân đạt 95,7 nghìn tỷ đồng, cao hơn khoảng 55% so với mức bình quân tháng kể từ đầu năm. Theo quan điểm của chúng tôi, diễn biến này cho thấy tiến độ thực hiện các dự án đang được đẩy nhanh sau giai đoạn chững lại...

Kinh tế Việt Nam (tiếp)

... lại trước đó. Dù vậy, hiệu quả hỗ trợ tăng trưởng của chính sách tài khóa sẽ phụ thuộc vào khả năng duy trì tốc độ giải ngân đầu tư công, đặc biệt khi một phần thuế được gia hạn sẽ quay trở lại ngân sách từ tháng 10, hàm ý lượng tiền ròng bơm vào nền kinh tế có thể giảm nếu chi đầu tư công không tăng tương ứng. Tuy nhiên, với các biện pháp thúc đẩy giải ngân gần đây, đặc biệt là cơ chế KPI cho các bộ, ngành và địa phương, chúng tôi vẫn kỳ vọng tỷ lệ giải ngân cả năm sẽ đạt khoảng 95% kế hoạch

Hình 19: Cán cân ngân sách từng tháng

Đơn vị: Nghìn tỷ VND

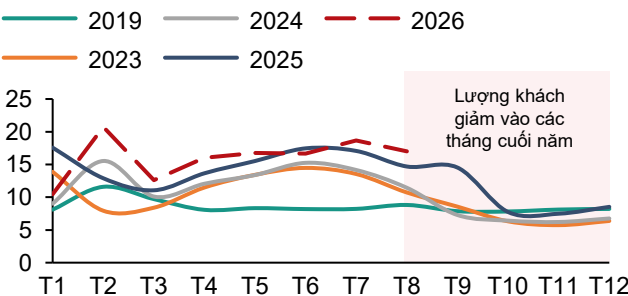


Bên cạnh đầu tư, tiêu dùng trong nước cũng cải thiện nhưng cần quan sát kỹ trong những tháng cuối năm

Mặc dù duy trì đà tăng so với cùng kỳ, sức cầu tiêu dùng trong nước nhìn chung vẫn còn đối mặt với một số rủi ro. Cụ thể, tăng trưởng bán lẻ hàng hóa và dịch vụ lũy kế 8T2026 (loại trừ yếu tố giá) đạt 7,6% YoY, cao hơn mức 7,2% của cùng kỳ năm trước khi hoạt động du lịch và các dịch vụ liên quan tiếp tục sôi động. Tuy nhiên, khi lượng khách du lịch thường có xu hướng giảm trong những tháng cuối năm do yếu tố mùa vụ, chúng tôi cho rằng động lực này nhiều khả năng sẽ dần suy yếu. Giá xăng dầu cũng đang tăng trở lại trong bối cảnh căng thẳng Mỹ - Iran kéo dài, làm gia tăng chi phí sinh hoạt và đi lại, từ đó ảnh hưởng đến tâm lý chi tiêu của người dân. Dù vậy, việc tiếp tục sử dụng Quỹ bình ổn xăng dầu có thể giúp hạn chế mức độ truyền dẫn của cú sốc năng lượng vào nền kinh tế, qua đó giảm bớt tác động tiêu cực lên sức cầu trong nước.

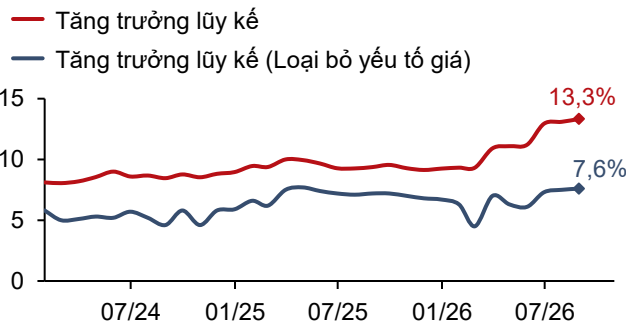
Hình 21: Khách du lịch theo từng tháng các năm

Đơn vị: Triệu lượt, tổng quốc tế và nội địa



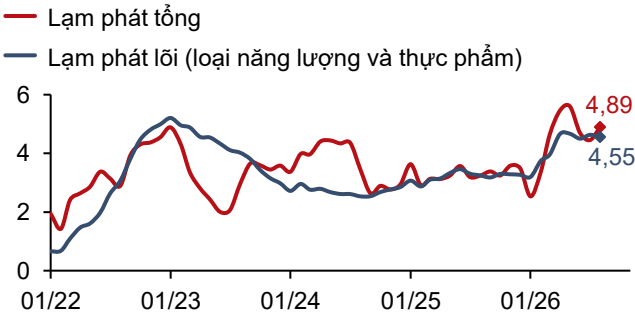
Hình 20: Doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ

Đơn vị: % so với cùng kỳ



Hình 22: Lạm phát tại Việt Nam

Đơn vị: % YoY, dữ liệu hàng tháng



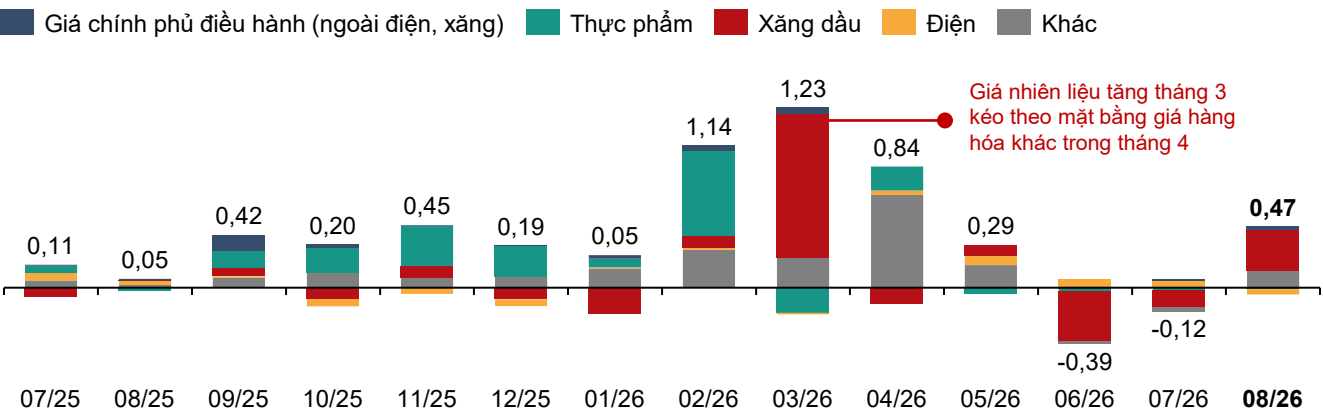
Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Chúng tôi điều chỉnh dự báo lạm phát cả năm lên vùng 4,5-4,8% trong bối cảnh giá dầu diễn biến phức tạp

Lạm phát đang chịu sức ép trở lại khi giá năng lượng trong nước tăng mạnh dưới tác động của căng thẳng Mỹ - Iran chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Theo đó, CPI tháng 8 tăng 0,47% MoM sau hai tháng giảm liên tiếp và lũy kế 8 tháng tăng 4,45% YoY, qua đó tiến sát vùng mục tiêu kiểm soát lạm phát quanh 4,5% của Chính phủ trong năm nay, nguyên nhân chủ yếu từ nhóm nhiên liệu tăng trong bối cảnh nguồn cung dầu toàn cầu tiếp tục bị gián đoạn. Dựa trên quan điểm rằng giá dầu thế giới khó sớm quay về mặt bằng thấp và thậm chí có rủi ro tăng cao trong những tháng tới, chúng tôi cho rằng áp lực sẽ không chỉ dừng ở riêng nhóm giá nguyên liệu. Thực tế, giai đoạn tháng 3-4 cho thấy giá năng lượng tăng thường tạo ra hiệu ứng lan tỏa sang nhiều nhóm hàng hóa và dịch vụ khác thông qua chi phí vận tải, logistics và sản xuất, qua đó đẩy mặt bằng giá chung lên cao hơn. Vì vậy, chúng tôi điều chỉnh dự báo lạm phát bình quân năm 2026 lên vùng 4,5 – 4,8%. Tuy nhiên, rủi ro lạm phát có thể được giảm bớt nhờ hai yếu tố. **Thứ nhất**, Chính phủ nhiều khả năng sẽ tiếp tục sử dụng Quỹ bình ổn để hạn chế mức độ truyền dẫn của giá dầu thế giới vào giá bán lẻ trong nước. **Thứ hai**, lộ trình điều chỉnh các mặt hàng do Nhà nước quản lý như điện, y tế,... có thể được triển khai linh hoạt hơn, qua đó giúp kiểm soát tốc độ gia tăng của mặt bằng giá trong thời gian tới.

Hình 23: Yếu tố đóng góp vào đà tăng của lạm phát

Đơn vị: % đóng góp vào tăng trưởng lạm phát hàng tháng



Áp lực lạm phát và nhu cầu tín dụng gia tăng khiến dự địa giảm lãi suất trở nên hạn chế

Trên thị trường tiền tệ, áp lực thanh khoản nhìn chung đã giảm bớt so với giai đoạn trước. Cụ thể, lãi suất liên ngân hàng ở các kỳ hạn ngắn như qua đêm và 1 tuần đã giảm về mức thấp. Tuy nhiên, các kỳ hạn dài hơn từ 1-3 tháng vẫn dao động quanh vùng 6,9-7,5%, cho thấy các ngân hàng vẫn đang thận trọng về triển vọng thanh khoản trong những tháng tới. Diễn biến này có thể phản ánh một số yếu tố mùa vụ các khoản thuế được gia hạn...

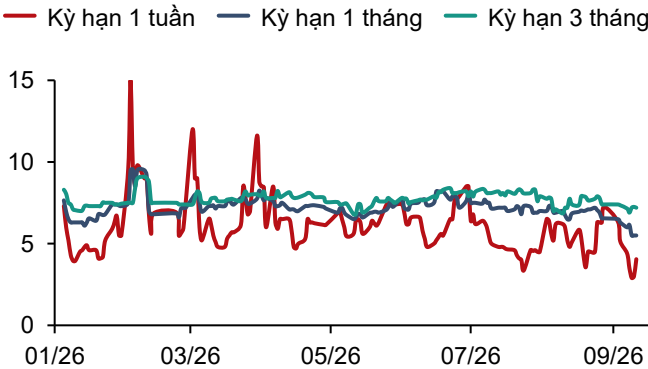
Kinh tế Việt Nam (tiếp)

...trước đó dự kiến quay trở lại ngân sách trong quý IV, cũng như sự phụ thuộc nhất định của hệ thống vào các nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài. Nói cách khác, thanh khoản ngắn hạn đang khá dồi dào, nhưng thị trường vẫn chưa hoàn toàn loại bỏ những áp lực thanh khoản trong trung hạn.

Đối với lãi suất huy động, chúng tôi cho rằng dư địa giảm sâu hiện không còn nhiều khi: (1) - Lạm phát đang chịu áp lực tăng trở lại; và (2) - Nhu cầu vốn tiếp tục duy trì ở mức cao để phục vụ các dự án hạ tầng và đầu tư quy mô lớn. Điều này khiến các ngân hàng vẫn cần duy trì khả năng huy động vốn để đáp ứng tăng trưởng tín dụng. Tuy vậy, chúng tôi nhận thấy vẫn có một số yếu tố giúp hạn chế rủi ro lãi suất tăng mạnh. **Thứ nhất**, giải ngân đầu tư công được kỳ vọng tăng tốc trong những tháng cuối năm, qua đó bổ sung thêm thanh khoản cho nền kinh tế. Thực tế, tăng trưởng huy động VND lũy kế từ cuối năm 2025 đến ngày 22/8/2026 đạt 8,77%, vượt mức 8,38% của tăng trưởng tín dụng, cho thấy một phần dòng tiền được bơm ra thông qua hoạt động đầu tư công có thể đang quay trở lại hệ thống ngân hàng. **Thứ hai**, Ngân hàng Nhà nước vẫn còn dư địa triển khai các biện pháp hỗ trợ thanh khoản khi cần thiết, bao gồm tăng quy mô bơm vốn trên thị trường mở (OMO), kéo dài kỳ hạn hỗ trợ hoặc sử dụng các công cụ điều tiết phù hợp khác. Điều này giúp giảm nguy cơ thanh khoản hệ thống trở nên quá căng thẳng, qua đó hạn chế nhu cầu cạnh tranh huy động vốn bằng cách nâng mạnh lãi suất tiền gửi. Nhìn chung, chúng tôi tiếp tục giữ nguyên dự báo từ tháng trước rằng lãi suất huy động sẽ chủ yếu đi ngang từ nay đến cuối năm. Trong kịch bản tích cực hơn, nếu Ngân hàng Nhà nước có thể quay lại mua ngoại tệ bổ sung dự trữ khi tỷ giá ở vùng thấp, lượng VND được bơm thêm vào hệ thống sẽ tạo dư địa để lãi suất giảm.

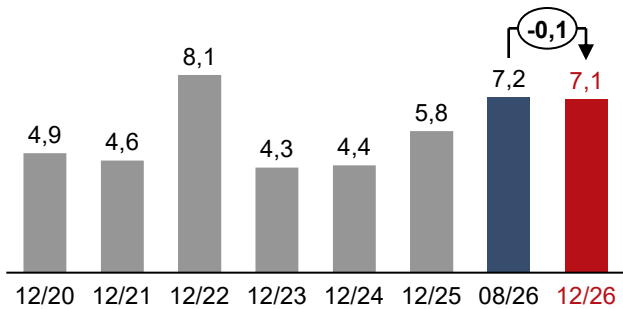
Hình 24: Lãi suất liên ngân hàng

Đơn vị: %



Hình 25: Lãi suất huy động 6T của G8*

Đơn vị: %, bình quân trọng số của 8 NHTM CP



Ghi chú: *: G8 gồm TCB, MBB, VPB, VIB, TPB, ACB, STB, MSB

Nguồn: Refintiv, Ngân hàng Nhà nước, Nghiên cứu báo chí, Phân tích của TCB CIBG Research

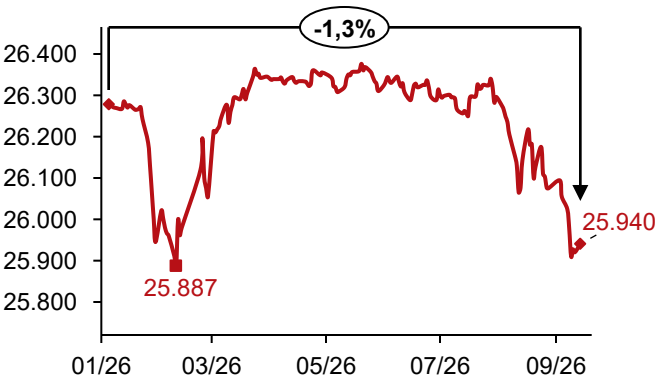
Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Tỷ giá USDVND tiếp tục được dự báo ở vùng thấp và có thể duy trì quanh 26.000 từ giờ đến cuối năm

Như đã trình bày trong báo cáo tháng trước, chúng tôi tiếp tục cho rằng áp lực lên tỷ giá USD/VND trong phần còn lại của năm là tương đối hạn chế và các dữ liệu mới nhất đang cho thấy xu hướng này. Cụ thể, tỷ giá USD/VND liên ngân hàng, thước đo chung của thị trường ngoại hối, hiện dao động quanh vùng 25.900-26.000 đồng/USD, giảm khoảng 1,0-1,3% so với đầu năm. Chúng tôi tiếp tục duy quan điểm tỷ giá cuối năm có thể chỉ mất giá nhẹ 0,8% so với thời điểm 31/12/2025 dựa trên 4 động lực chính. **Thứ nhất**, chênh lệch lãi suất giữa VND và USD, đặc biệt ở các kỳ hạn 6-12 tháng, được kỳ vọng tiếp tục duy trì trên 3 điểm % ngay cả trong kịch bản Fed tiếp tục nâng lãi suất trong tháng 9. Điều này giúp duy trì sức hấp dẫn của VND, đồng thời hỗ trợ dòng vốn ngoại tệ chảy vào Việt Nam. **Thứ hai**, nhu cầu vốn cho các dự án hạ tầng quy mô lớn đang thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường huy động nguồn vốn quốc tế. Trong bối cảnh chi phí vay USD vẫn ở mức tương đối hợp lý, hoạt động vay ngoại tệ từ nước ngoài có thể góp phần cải thiện nguồn cung USD trong nước. **Thứ ba**, dòng vốn FDI tiếp tục duy trì tích cực với giá trị giải ngân đạt mức kỷ lục 17,3 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm. **Cuối cùng**, trong những tháng cuối năm, nguồn kiều hối được kỳ vọng sẽ duy trì ổn định, đây sẽ tiếp tục là nguồn cung ngoại tệ quan trọng cho nền kinh tế. Ở chiều ngược lại, rủi ro đáng chú ý nhất đối với dự báo của chúng tôi là khả năng Fed chuyển sang lập trường thắt chặt hơn dự kiến, qua đó đẩy DXY tăng trở lại. Kịch bản này có thể làm gia tăng sức hấp dẫn của đồng USD trên phạm vi toàn cầu và gây bất lợi cho các đồng tiền của thị trường mới nổi, bao gồm VND. Dù vậy, với các yếu tố hỗ trợ nêu trên, chúng tôi cho rằng tỷ giá USD/VND khó ghi nhận biến động mạnh trong phần còn lại của năm.

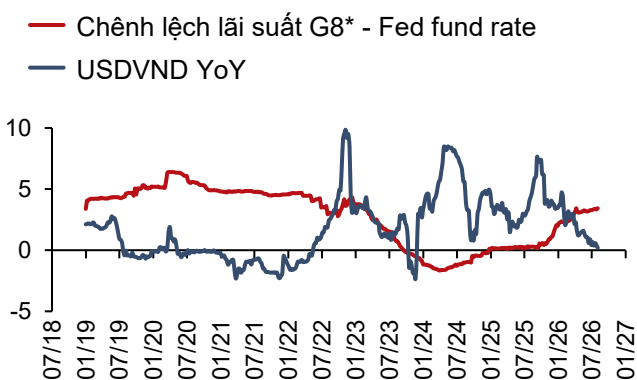
Hình 26: Tỷ giá USDVND liên ngân hàng

Đơn vị: %



Hình 27: Chênh lệch lãi suất và mất giá của VND

Đơn vị: VNĐ



Ghi chú: *: G8 gồm TCB, MBB, VPB, VIB, TPB, ACB, STB, MSB (Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6 tháng)

Nguồn: Refinitiv, Tổng Cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước, Báo chí, Phân tích của TCB CIBG Research

Phụ lục

Cập nhật tình hình kinh tế và thị trường tài chính thế giới

Chi báo	Quốc gia	Đơn vị	2025	2025					2026							
				08	09	10	11	12	01	02	03	04	05	06	07	08
Tăng trưởng GDP thực	Mỹ	%, YoY, hàng quý	2,1		2,3			2,0			2,7			1,5		
	EU	%, YoY, hàng quý	1,4		1,2			0,8			0,6			1,0		
	Trung Quốc	%, YoY, hàng quý	5,0		4,8			4,5			5,0			4,3		
	Nhật Bản	%, YoY, hàng quý			0,6			0,1						1,1		
CPI	Mỹ	%, YoY, hàng tháng	2,7	2,9	3,0		2,7	2,7	2,4	2,4	3,3	3,8	4,2	3,5	3,4	3,4
	EU	%, YoY, hàng tháng	2,1	2,0	2,2	2,1	2,1	2,0	1,7	1,9	2,6	3,0	3,2	2,8	2,9	3,3
	Trung Quốc	%, YoY, hàng tháng	0,1	-0,4	-0,3	0,2	0,7	0,8	0,2	1,3	1,0	1,2	1,2	1,0	0,5	0,8
	Nhật Bản	%, YoY, hàng tháng	3,2	2,7	2,9	3,0	2,9	2,1	1,5	1,3	1,5	1,4	1,5	1,7		
Lãi suất chính sách Fed		%, cuối tháng	3,75	4,5	4,25	4,00	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75
DXY		Chỉ số, trung bình hàng tháng	100,8	98,3	97,7	98,8	99,7	98,6	98,3	97,4	99,5	98,8	98,7	100,3	100,9	99,4
USDCNY		Chỉ số, trung bình hàng tháng	7,2	7,17	7,12	7,12	7,11	7,04	6,97	6,91	6,89	6,84	6,80	6,78	6,78	6,74
Lãi suất TPCP Mỹ 10 năm		%, trung bình hàng tháng	4,3	4,26	4,12	4,05	4,09	4,14	4,21	4,12	4,25	4,31	4,48	4,47	4,55	4,68
Giá dầu WTI		USD/thùng, trung bình hàng tháng	64,7	64,02	63,5	60,1	59,5	57,9	60,3	64,5	91,0	98,67	98,51	81,79	79,22	82,45

Cập nhật tình hình kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam

Chi báo	Đơn vị	2025	2025					2026								Dự báo
			08	09	10	11	12	01	02	03	04	05	06	07	08	2026
Tăng trưởng GDP thực	%, hàng quý, YoY	8,0	-	8,25	-	-	8,46	-	-	7,94	-	-	8,39			7,86
IIP	%, hàng tháng, YoY	9,23	8,90	13,59	10,44	10,76	10,10	21,5	0,60	7,20	9,30	10,14	12,71	14,47	14,41	-
Lạm phát	%, hàng tháng, YoY	3,3	3,24	3,38	3,25	3,58	3,48	2,53	3,35	4,65	5,46	5,60	4,79	4,45	4,89	4,44
Tổng mức bán lẻ	%, hàng tháng, YoY	9,2	10,6	11,3	7,2	7,1	9,8	9,3	9,3	12,1	12,1	11,8	14,8	14,5	14,9	-
FDI đăng ký	tỷ USD, hàng tháng	31,4	1,7	2,0	2,5	1,4	3,8	2,4	3,2	7,0	2,7	5,3	7,8	3,0	2,4	-
FDI giải ngân	tỷ USD, hàng tháng	27,6	1,8	3,4	2,5	2,3	4,0	1,7	1,1	2,2	2,0	2,4	3,3	2,2	2,1	-
Xuất khẩu	tỷ USD, hàng tháng	475,0	43,5	42,8	42,3	39,1	44,9	43,2	33,2	46,6	45,6	47,1	50,9	53,0	55,3	-
Nhập khẩu	tỷ USD, hàng tháng	455,0	39,7	39,9	39,5	38,2	45,4	45,0	34,4	47,2	49,1	53,8	53,7	56,9	55,2	-
Cán cân thương mại	tỷ USD, hàng tháng	20,0	3,8	2,8	2,7	1,0	-0,5	-1,8	-1,2	-0,7	-3,5	-6,7	-2,8	-3,9	-0,1	-
Tăng trưởng huy động	%, YTD	-	-	10,8	-	-	-	-	-	-	-	-	5,0			15,9
Tăng trưởng tín dụng	%, YTD	19,0	11,8	13,9	15,3	16,9	19,1	1,2	1,3	-	-	-	7,4			18
Lợi suất TPCP 10 năm	%, trung bình hàng tháng	3,4	3,43	3,57	3,73	3,85	3,98	4,09	4,10	4,19	4,23	4,25	4,36	4,40	4,43	4,33
Lãi suất liên ngân hàng 1W	%, trung bình hàng tháng	4,9	5,1	4,8	5,2	5,6	7,2	5,1	8,1	7,0	6,3	6,5	6,5	5,0	5,5	5,8
Lãi suất huy động 6 tháng*	%, trung bình hàng tháng	4,7	4,6	4,7	4,7	4,9	5,5	6,0	6,0	6,8	6,7	6,8	6,9	7,0	7,1	6,6
USDVND	trung bình hàng tháng	26.027	26.294	26.398	26.347	26.349	26.332	26.219	26.014	26.291	26.337	26.340	26.321	26.296	26.157	26.222

Ghi chú: (*) Bình quân gia quyền của 8 ngân hàng: TCB, MBB, VPB, VIB, TPB, ACB, STB, MSB
Nguồn: Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan, Refinitiv, Ngân hàng Nhà nước, VBMA, Phân tích của TCB CIBG Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này (“**Báo cáo**”) do Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) soạn thảo nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Khách hàng của Techcombank. Khách hàng có thể sao chép hoặc trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hay toàn bộ Báo cáo này với điều kiện việc sao chép, trích dẫn phải tôn trọng, đảm bảo giữ đúng nội dung và ghi chú rõ ràng nguồn thông tin Báo cáo. Khách hàng chịu mọi trách nhiệm về việc sao chép, trích dẫn của mình cũng như các nội dung sao chép, trích dẫn không tuân thủ nguyên tắc nêu trên.

Báo cáo này được xây dựng dựa trên các ý kiến chuyên nghiệp được đưa ra một cách cẩn trọng, độc lập và căn cứ vào các nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào ngày ban hành Báo cáo này. Tuy nhiên, mọi nhận định trong báo cáo này chỉ là ý kiến riêng Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính, không đại diện cho ý kiến của Ban lãnh đạo Ngân hàng và cũng hoàn toàn không có định hướng nào về kết quả hoạt động của Techcombank. Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính không cam kết và bảo đảm về sự chính xác, kịp thời, hoàn chỉnh và ổn định của các thông tin trong báo cáo dưới bất kỳ tình huống nào, cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin sau khi báo cáo được phát hành.

Báo cáo này không phải là và không được coi là hoạt động tư vấn hoặc là các khuyến nghị hoặc ý kiến tư vấn đầu tư, tài chính, tư vấn mua, bán bất kỳ sản phẩm nào hoặc tư vấn cho bất cứ hoạt động kinh doanh nào và không nhằm mục đích phục vụ lợi ích của bất kỳ cá nhân/tổ chức nào, bao gồm cả Techcombank và/hoặc các chi nhánh và công ty con của Techcombank. Khách hàng được khuyến cáo nên coi những thông tin được cung cấp trong báo cáo như là một nguồn thông tin tham khảo và Khách hàng nên sử dụng dịch vụ tư vấn, luật sư chuyên nghiệp khi đưa ra các quyết định kinh doanh, đầu tư của mình. Techcombank, tác giả báo cáo, lãnh đạo và/hoặc nhân viên của Techcombank không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với bất cứ cá nhân, tổ chức nào liên quan đến báo cáo này trong bất kỳ tình huống nào.

Nếu khách hàng có bất kỳ bình luận, câu hỏi hoặc mối quan tâm đặc biệt nào về các thông tin đề cập trong báo cáo xin liên hệ với chúng tôi theo thông tin liên hệ sau:

Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính
nhóm Ngân hàng Doanh nghiệp và Định chế Tài chính

TECHCOMBANK

Địa chỉ: 6 Quang Trung, P. Cửa Nam, Hà Nội

Email: Tckh.ptkt@techcombank.com.vn

Website: <https://techcombank.com/thong-tin/nguyen-cuu>